

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trường THPT năm học 2025 - 2026
Khóa thi: 03/6/2025

Đơn vị: Trường THPT Cách Linh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm ưu tiên, khuyến khích xét trường THPT	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Ghi chú
1	06.001	HOÀNG KỶ ANH	16/09/2009	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.50	2.50	3.25	
2	06.002	ĐÀM THỊ NGỌC ÁNH	28/03/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.50	6.00	3.50	
3	06.003	ĐINH GIA BẢO	01/12/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	4.25	4.75	3.25	
4	06.004	VƯƠNG GIA BẢO	18/09/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.75	5.50	2.25	
5	06.005	ĐINH THỊ HOÀI CHI	20/05/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	5.75	6.75	4.00	
6	06.006	HOÀNG THỊ KIM CHI	30/09/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	6.00	2.75	
7	06.007	NGUYỄN THỊ LINH CHI	22/10/2009	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	THCS Đam Pao	0.00	6.00	5.50	2.75	
8	06.008	NÔNG THUY CHÍ	05/06/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	7.00	6.50	3.50	
9	06.009	BÙI HỮU CHIẾN	11/04/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	3.00	4.50	3.25	
10	06.010	BÊ THỊ CHINH	06/04/2010	Nữ	Tày	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	1.75	3.00	1.50	
11	06.011	ĐÀM THỊ BÍCH DIỆP	09/08/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	5.75	5.75	3.00	
12	06.012	MÔNG THỊ BÍCH DIỆP	27/01/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.25	3.75	2.75	
13	06.013	TRIỆU VĂN DU	10/12/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	5.50	5.25	3.00	
14	06.014	MÔNG HỒNG DIỆP	12/06/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.50	4.25	2.50	
15	06.015	ĐÀM ĐỨC GIANG	05/02/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	2.25	2.75	2.00	
16	06.016	TRIỆU MINH GIÁP	24/10/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	4.00	3.00	
17	06.017	LƯƠNG PHAN HÂN	05/05/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Hạnh Phúc	1.00	5.75	5.00	3.75	
18	06.018	ĐÀM THỊ HỒNG HẠNH	14/09/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	6.25	6.25	3.75	
19	06.019	BÊ TRUNG HIẾU	24/03/2010	Nam	Tày	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.50	4.00	3.00	
20	06.020	THẠCH QUỐC HIỆU	22/09/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	6.25	5.00	3.50	

Chữ ký

STT	SBD	Họ và tên	Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm ưu tiên, khuyến khích xét trường THPT	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Ghi chú
21	06.021	ĐÀM THỊ THU HOÀI	11/01/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	5.25	5.50	4.00	
22	06.022	NÔNG KHÁNH HOÀNG	17/12/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.25	1.25	2.75	
23	06.023	HOÀNG VIỆT HỒNG	06/09/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	2.75	2.50	
24	06.024	NÔNG QUỐC HUÂN	26/10/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	1.75	2.50	3.75	
25	06.025	NÔNG VIỆT HÙNG	09/10/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.25	6.25	3.75	
26	06.026	ĐÀM THÚY HƯỜNG	31/03/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.25	6.25	2.00	
27	06.027	MÔNG KHÁNH HUY	02/11/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.50	6.00	3.50	
28	06.028	NÔNG ĐỨC HUY	07/10/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	4.75	6.25	3.25	
29	06.029	TRƯƠNG QUỐC HUY	26/06/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	4.75	5.75	3.25	
30	06.030	BẾ AN KHANH	29/05/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	5.25	3.50	
31	06.031	ĐÀM THẠCH QUỐC KHÁNH	02/09/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	2.75	4.25	1.75	
32	06.032	ĐÀM ANH KHOA	31/08/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	2.00	1.75	3.50	
33	06.033	MA TRUNG KIẾN	19/10/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.25	6.00	3.50	
34	06.034	LÔ BÍCH LAN	10/11/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	3.75	3.00	
35	06.035	LONG THỊ HỒNG LÊ	27/07/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Hồng Đại	1.00	4.25	5.50	3.00	
36	06.036	BẾ NHẬT LÊ	09/12/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	2.75	3.25	3.50	
37	06.037	MÔNG MỸ LÊ	15/05/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	5.25	3.00	
38	06.038	ĐOÀN HÀ LINH	12/11/2010	Nữ	Tày	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.50	5.75	2.75	
39	06.039	PHAN THỦY NGỌC LINH	14/10/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	4.50	5.75	3.25	
40	06.040	ĐÀM TRỌNG LUÂN	26/11/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	4.25	6.00	2.50	
41	06.041	HOÀNG MINH LUÂN	29/09/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	3.75	5.00	2.25	
42	06.042	BẾ VĂN LỰC	28/11/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	4.25	5.50	3.50	
43	06.043	PHAN LY LY	17/02/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	4.25	3.25	
44	06.044	MÔNG THỊ TRÀ MY	19/09/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	3.00	3.25	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm ưu tiên, khuyến khích xét trường THPT	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Ghi chú
45	06.045	ĐOÀN THỊ BẢO NGỌC	28/01/2010	Nữ	Tày	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.25	7.75	2.75	
46	06.046	MÔNG THỊ NGỌC	22/04/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	3.50	2.50	2.50	
47	06.047	NÔNG THÊ NGỌC	03/03/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	5.00	6.00	4.50	
48	06.048	ĐẶNG TRUNG NGUYỄN	07/02/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	2.50	3.25	
49	06.049	LONG QUỐC NHẬT	30/08/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	2.25	4.25	2.25	
50	06.050	LÔ LINH NHI	28/10/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	2.25	3.00	
51	06.051	NÔNG YẾN NHI	18/08/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	2.00	2.25	
52	06.052	ĐÀM THỊ HỒNG NHUNG	20/11/2010	Nữ	Nùng	Tuyên Quang	THCS Cách Linh	1.00	1.75	3.50	2.00	
53	06.053	ĐÀM THỊ OANH	02/03/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	2.75	6.00	1.75	
54	06.054	MÔNG KIỀU OANH	12/09/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.25	2.75	1.75	
55	06.055	NGÔ MAI PHƯƠNG	12/06/2010	Nữ	Nùng	Thành phố Hồ Chí Minh	THCS Cách Linh	1.00	3.75	7.00	2.25	
56	06.056	LƯƠNG NÔNG QUÂN	15/01/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	1.00	3.75	3.00	
57	06.057	MÔNG LỆ QUYÊN	29/04/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1,5	6.75	7.50	4.00	
58	06.058	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	01/01/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	5.75	3.00	
59	06.059	CHU THỊ MINH THƯ	14/06/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	5.00	6.00	3.00	
60	06.060	LƯƠNG ANH THƯ	03/12/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	4.00	5.50	3.00	
61	06.061	LƯƠNG THỊ ANH THƯ	03/03/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	5.00	7.00	4.25	
62	06.062	TRỊNH TRỌNG XUÂN THƯƠNG	25/05/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	1.00	3.50	2.50	
63	06.063	NÔNG VĂN THUY	26/05/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	4.25	3.50	
64	06.064	NÔNG QUỐC TOÀN	08/02/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	7.50	6.75	4.00	
65	06.065	BÊ THANH TRÚC	02/01/2010	Nữ	Tày	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	3.75	5.75	2.50	
66	06.066	ĐÀM QUANG TRUNG	17/08/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	3.00	5.25	1.75	
67	06.067	LÝ QUỐC TRUNG	09/08/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	7.75	2.75	
68	06.068	ĐÀM NGỌC TƯƠI	12/11/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.25	6.50	2.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày Sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm ưu tiên, khuyến khích xét trường THPT	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Ghi chú
69	06.069	THACH THỊ BẠCH TUYẾT	29/03/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	4.50	2.50	
70	06.070	NGỌC THẢO UYÊN	06/11/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	5.75	7.50	3.50	
71	06.071	HÀ QUANG VINH	29/10/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	3.50	7.00	3.75	
72	06.072	ĐINH VĂN VƯƠNG	29/12/2010	Nam	Tày	Cao Bằng	TH và THCS Hồng Đại	1.00	4.25	5.50	3.75	
73	06.073	NÔNG QUỐC VƯƠNG	09/03/2010	Nam	Tày	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	4.00	4.00	3.25	
74	06.074	THẠCH HÙNG VƯƠNG	09/07/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	3.00	7.00	3.50	
75	06.075	LÂM THẢO VY	02/08/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	3.50	4.00	2.50	
76	06.076	LỤC THẢO VY	24/12/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	THCS Cách Linh	1.00	2.50	5.50	3.00	
77	06.077	LƯƠNG TƯỜNG VY	18/08/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	2.00	4.25	2.75	
78	06.078	TRIỆU THỊ TƯỜNG VY	19/12/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	2,5	5.00	8.00	2.75	
79	06.079	HOÀNG THỊ HẢI YẾN	28/12/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bế Văn Đàn	1.00	1.25	4.00	2.25	
80	22.374	PHÙNG MINH KHÔI	31/05/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	PTDTNT THCS Phục Hòa	1.00	4.25	5.25	3.25	
81	22.384	THẠCH ĐỨC LUẬN	04/03/2010	Nam	Nùng	Cao Bằng	PTDTNT THCS Quảng Uyên	1.00	9.00	7.25	5.75	
82	22.385	HOÀNG THỊ KIỀU LY	28/11/2010	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TH và THCS Bó Ngựa	1.00	4.00	7.25	2.75	

Ấn định danh sách gồm 82 thí sinh.

Người đọc: Linh Văn Mươi.....

Người soát đọc: Phạm Viết Biên.....

Người nhập: Hoàng Công Tước.....

Người soát nhập: Đặng Việt Dũng.....

NGƯỜI KIỂM SOÁT DỮ LIỆU



Hà Văn Toàn

Cao Bằng, ngày 11 tháng 6 năm 2025

TM. HĐ CHẤM PHỎ THÔNG

CHỦ TỊCH



Lục Văn Dương